

Bản án số: **138/2021/DS-ST**

Ngày: **27/5/2021.**

V/v: Tranh chấp hợp đồng sử
dụng thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Hoàng Vương.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Cao Kim Triều**
2. Ông **Nguyễn Tiến Thành**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận
1 Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Oanh** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 4 và ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 753/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1498/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2077/2021/QĐDSST-HPT ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trụ sở: 266-268 N, Phường X, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Trung H**, sinh năm: 1981- Theo văn bản ủy quyền số 01A/2021/GUQ-CNTB ngày 01/01/2021 - (vắng mặt – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1988 – (vắng mặt).

Địa chỉ: 182/13 Đ, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Trần Trung H trình bày:*

Vào ngày 27/12/2016, bà Nguyễn Thị Mỹ T có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều

khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 69.527.397 đồng (chưa bao gồm phí và lãi phát sinh).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 48.226.986 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở những bà T vẫn không có thiện chí thanh toán khoản nợ còn lại. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 31/8/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Sau nhiều lần Ngân hàng đã yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán, nhưng bà T vẫn không thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ T thanh toán khoản nợ của bà T với Ngân hàng tạm tính đến thời điểm xét xử là ngày 27/5/2021 là: nợ gốc 27.001.397 đồng; lãi quá hạn: 32.451.190 đồng. Tổng cộng bà T phải thanh toán là 59.452,587 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 28/5/2021 cho đến khi bà T trả dứt nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng.

* Bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ T đã được Tòa án thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án, hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải... Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có yêu cầu.

Nguyên đơn có đơn đề nghị ngày 15 tháng 5 năm 2021 yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến như sau:**

1. Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) được giao kết ngày 27/12/2016; Bảng tóm tắt sao kê với khách hàng Nguyễn Thị Mỹ T của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Ngày 27/5/2021 xác định số tiền nợ gốc Bị đơn còn nợ Nguyên đơn là 27.001.397 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 27/5/2021 là 32.451.190 đồng, tổng cộng 59.452.587 đồng và yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 28/5/2021 cho đến khi bà T trả

dứt nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở các chứng cứ hiện có, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ T có cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ngày 10 tháng 12 năm 2020 Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án, do đó Tòa án xét xử vắng mặt Nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, từ khi thụ lý vụ án, hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải...Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung khởi kiện của Nguyên đơn:

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ T thanh toán số nợ gốc và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 27/5/2021 bao gồm: và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 27/5/2021 là:

- Nợ gốc: 27.001.397 đồng.

- Lãi quá hạn: 32.451.190 đồng.

Tổng cộng: 59.452.587 đồng.

[5] Xét, ngày 27/12/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Mỹ T có giao kết ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S). Việc ký kết hợp đồng đã được hai bên hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng pháp luật về hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thanh toán số tiền nợ gốc là 27.001.397 đồng và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 27/5/2021 là 32.451.190 đồng. Tổng cộng là 59.452.587 đồng.

[6] Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) được giao kết ngày 27/12/2016; Bảng tóm tắt sao kê với khách hàng Nguyễn Thị Mỹ T của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ngày 27/5/2021, xác định số tiền nợ gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 27.001.397 đồng.

[7] Về lãi quá hạn: Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 27/12/2016. Quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án Bảng Tóm tắt sao kê về nợ gốc, lãi ngày 27/5/2021 là có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 27/5/2021 là 32.451.190 đồng.

[8] Từ những nhận định trên căn cứ các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ gồm: Nợ gốc: 27.001.397 đồng, Lãi quá hạn 32.451.190 đồng, tổng cộng là 59.452.587 đồng.

[9] Về thời hạn thanh toán: Xét, Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần số tiền nợ gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[10] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ nội dung thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hai bên đã ký kết Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 31/3/2018. Căn cứ Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, xét yêu cầu của Nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tính trên số tiền phải trả cho Nguyên đơn.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 27/5/2021 của Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 27/12/2016 tổng cộng là 59.452.587 đồng (năm mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi bảy) đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc: 27.001.397 (hai mươi bảy triệu, không trăm lẻ một nghìn, ba trăm chín mươi bảy) đồng, lãi quá hạn: 32.451.190 (ba mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn, một trăm chín mươi) đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 28/5/2021, bà Nguyễn Thị Mỹ T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 27/12/2016 cho đến khi bà T trả dứt nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.973.000. (hai triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

2.2 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.278.071 (một triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn không trăm bảy mươi một) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0030165 ngày 04/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- Chi cục THA Dân sự Q.1;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Minh Hoàng Vương